

Số: **84** /BC-UBND

Hà Nội, ngày **28** tháng **3** năm 2024

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH
VÀ HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BÁO CÁO

Giải trình một số nội dung về điều chỉnh

**tổng biên chế sự nghiệp Thành phố năm 2024 và giao bổ sung
biên chế viên chức giáo dục từ năm học 2023- 2024.**

CÔNG VĂN ĐẾN
Số đến: **2727**
Ngày đến: **28/3**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Ngày 20/3/2024, UBND Thành phố đã có Tờ trình số 84/TTr-UBND báo cáo HĐND Thành phố về việc đề nghị bổ sung biên chế viên chức giáo dục từ năm học 2023-2024 theo Quyết định số 2362-QĐ/BTCTW ngày 06/12/2023 của Ban Tổ chức Trung ương.

Theo Báo cáo thẩm tra số 08/BC-PC ngày 21/3/2024 của Ban Pháp chế HĐND Thành phố đối với Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh tổng biên chế sự nghiệp Thành phố năm 2024 và giao bổ sung biên chế viên chức giáo dục từ năm học 2023-2024, UBND Thành phố báo cáo giải trình bổ sung một số nội dung như sau:

1. Rà soát, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết để đảm bảo đầy đủ, tính chính xác về nội dung và số liệu tổng biên chế sự nghiệp Thành phố năm 2024 đảm bảo theo đúng các quyết định của Trung ương và Ban Thường vụ Thành ủy. Trong đó lưu ý nội dung về biên chế viên chức tại Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (tại Điều 3 Quyết định số 6057-QĐ/TU ngày 13/12/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy).

Nội dung giải trình:

Ngày 28/11/2023, UBND Thành phố đã có Tờ trình số 485/TTr-UBND về kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp; số lượng cán bộ phường; cán bộ, công chức xã, thị trấn; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; chỉ tiêu lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội năm 2024. Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân Thành phố đã quyết nghị tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp; số lượng cán bộ phường; cán bộ, công chức xã, thị trấn; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; chỉ tiêu lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội năm 2024; Ban Thường vụ Thành ủy cũng đã thông qua tại Quyết định số 6057-QĐ/TU ngày 13/12/2023 về tổng biên chế của hệ thống chính trị thành phố Hà Nội năm 2024.

Theo đó, tổng biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội năm 2024 là **113.537 biên chế**, cụ thể như sau:

a. *Biên chế viên chức hưởng lương ngân sách tại đơn vị sự nghiệp công lập:*
111.176 biên chế, trong đó gồm:

(1) Biên chế các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế, và các sự nghiệp khác của Thành phố (không tính số lượng biên chế viên chức của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc): **111.141 biên chế.**

Số biên chế này được Trung ương giao căn cứ vào biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước của Thành phố từ 2015 và được cắt giảm theo chỉ tiêu của Nghị quyết 19 theo giai đoạn (đến 2026 phải giảm 20% so với 2015).

(2) Tạm giao biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc: 35 biên chế.

Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 01/8/2023 của Chính phủ về việc chuyển giao Khu Công nghệ cao Hòa Lạc thuộc quyền quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ về UBND thành phố Hà Nội quản lý và Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 10/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển giao nguyên trạng Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc từ Bộ Khoa học và Công nghệ về UBND thành phố Hà Nội. Trong khi chờ Trung ương điều chuyển biên chế công chức, viên chức từ Bộ Khoa học và Công nghệ về UBND thành phố Hà Nội, để đảm bảo hoạt động của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc được duy trì ổn định, đảm bảo quyền lợi, chế độ, chính sách đối với cán bộ, viên chức, người lao động khi cơ quan, đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy, UBND Thành phố đã báo cáo và được Ban Thường vụ Thành ủy chấp thuận tạm giao 35 viên chức cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc năm 2024. Đồng thời, đã tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy có Công văn số 935-CV/TU ngày 16/11/2023 báo cáo Bộ Chính trị, Ban Tổ chức Trung ương về việc báo cáo giao bổ sung biên chế năm 2023 và giai đoạn 2024-2026 đối với khối chính quyền thành phố Hà Nội để giao cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

Ngày 20/01/2024, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 334/BNV-TCBC về việc điều chỉnh giảm 35 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện chuyển giao nguyên trạng Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc về UBND thành phố Hà Nội quản lý và Văn bản số 333/BNV-TCBC báo cáo Ban Tổ chức Trung ương giao bổ sung 35 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước nêu trên cho UBND thành phố Hà Nội. Hiện Ban Tổ chức Trung ương đã tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế xem xét, quyết định.

b. Biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập được giao bổ sung (theo Quyết định số 23-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương): 2.361 biên chế.

Số biên chế này được Trung ương giao bổ sung cho Hà Nội để đáp ứng nhu cầu tăng trường, tăng lớp, tăng học sinh năm học 2022-2023 (không cắt giảm theo tỷ lệ).

Các nội dung trên đều đã được UBND Thành phố báo cáo Ban cán sự đảng UBND Thành phố báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy thông qua, chấp thuận để làm cơ sở báo cáo HĐND Thành phố tại Tờ trình số 485/TTr-UBND ngày 28/11/2023.

2. Kiểm tra, rà soát, chỉnh lý lại các số liệu trong biểu chi tiết giao bổ sung biên chế viên chức sự nghiệp giáo dục đảm bảo tính chính xác về số liệu của từng khối học. Trong đó lưu ý rà soát, sắp xếp các nhóm trong phương án phân bổ biên chế đảm bảo tính khoa học.

Nội dung giải trình:

Tổng số biên chế viên chức khối giáo dục được giao bổ sung từ năm học 2023- 2024 (theo các quyết định của Trung ương và Thành ủy): **2.648** biên chế. Ngoài 447 biên chế khối các trường THPT giao Sở GD&ĐT, số biên chế còn lại được giao bổ sung cho UBND một số quận, huyện, thị xã có tỷ lệ viên chức được giao so với định mức theo quy định của Bộ GD&ĐT thấp hơn 85% (khối THCS), thấp hơn 70% (khối Tiểu học), thấp hơn 80% (khối mầm non) và ưu tiên giao bổ sung cho những đơn vị thiếu nhiều biên chế. *(Có biểu kèm theo)*

3. Bổ sung làm rõ về kế hoạch biên chế viên chức thực hiện trong năm 2024 và dự kiến trong năm 2025 để đảm bảo sự hài hòa trong quá trình thực hiện, vừa đáp ứng nhu cầu thực tiễn, vừa đảm bảo số giao theo đúng quyết định của Trung ương và Ban Thường vụ Thành ủy, thực hiện chính sách tinh giản biên chế, đẩy mạnh việc tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, đặc biệt đối với lĩnh vực y tế, giáo dục. Trong đó cần lưu ý có đánh giá, đề xuất việc xây dựng và triển khai thực hiện giá dịch vụ giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội để thực hiện trong giai đoạn tiếp theo đảm bảo theo đúng các quy định của Trung ương và các quy định pháp luật có liên quan.

Nội dung giải trình:

Để thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết 19 về tinh giản biên chế, đẩy mạnh tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, UBND Thành phố đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp như: (1) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức, đặc biệt là trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị; (2) Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 và 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ và các kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế; phương án phân cấp, ủy quyền và quy trình giải quyết các thủ tục hành chính của một số sở, ban, ngành, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; (3) Tập trung rà soát, điều chỉnh, phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, trên cơ sở danh mục khung vị trí việc làm của Bộ Nội vụ, Bộ Quản lý chuyên ngành để làm cơ sở xác định định mức số lượng người làm việc phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và thực tiễn; (4) Đẩy mạnh việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ tài chính...

Để đẩy mạnh việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ tài chính, UBND Thành phố đã chỉ đạo quyết liệt các sở, ngành tập trung nghiên cứu xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ công để làm cơ sở đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với dịch vụ công cơ bản, thiết yếu. Năm 2023, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 quy định giá dịch vụ tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của Thành phố để làm cơ sở nâng mức tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập. Đến nay, Thành phố có 296 cơ sở giáo dục thực hiện thí điểm cơ chế đặt hàng cung cấp giá dịch vụ giáo dục năm học 2023-2024 (118 đơn vị thuộc Sở Giáo dục và 178 đơn vị thuộc UBND quận, huyện, thị xã).

UBND Thành phố cũng giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính tiếp tục nghiên cứu xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ công lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hướng tính đúng, tính đủ làm cơ sở đặt hàng dịch vụ để áp dụng chính thức trên địa bàn Thành phố và tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố khi kết thúc thời gian thí điểm báo cáo HĐND Thành phố.

Trường hợp năm 2024 chưa ban hành được định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ công lĩnh vực giáo dục và đào tạo: UBND Thành phố sẽ báo cáo HĐND Thành phố cho phép tiếp tục thực hiện thí điểm Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND trong năm học 2024-2025.

Sau khi ban hành chính thức giá dịch vụ công lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hướng tính đúng, tính đủ và thực hiện cơ chế đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục từ ngân sách nhà nước của Thành phố cho các cơ sở giáo dục, các đơn vị sẽ đảm bảo tự chủ chi thường xuyên. Giải pháp này thực hiện sẽ đạt được 2 mục tiêu của Nghị quyết 19 về giảm số lượng người hưởng lương ngân sách nhà nước và số lượng đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên, đồng thời đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của Thủ đô về đáp ứng yêu cầu giáo viên khi tăng trường, tăng lớp, tăng học sinh.

UBND Thành phố kính báo cáo HĐND Thành phố xem xét, quyết nghị././

Nơi nhận:

- Như trên:
- Thường trực HĐND Thành phố:
- Chủ tịch UBND Thành phố:
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố:
- Các đại biểu HĐND Thành phố:
- Ban Pháp chế HĐND Thành phố:
- Sở Nội vụ:
- VPUBTP: CVP, các PCVP, TH, NC:
- Lưu: VT, SNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Sơn

BIỂU GIAO BỔ SUNG BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC

TT	Đơn vị	Số biên chế viên chức sự nghiệp giáo dục giao bổ sung				
		Tổng	THCS	Tiểu học	Mầm non	THPT
	Tổng cộng	2.648	1.033	977	191	447
I	Khối sở, ban, ngành	447				447
1	Sở GD&ĐT	447				447
II	Khối quận, huyện, thị xã	2.201	1.033	977	191	
1	Hà Đông	505	80	286	139	
2	Hoàng Mai	490	145	303	42	
3	Thanh Xuân	296	85	201	10	
4	Thanh Trì	159	31	128		
5	Nam Từ Liêm	144	100	44		
6	Long Biên	132	132			
7	Bắc Từ Liêm	83	83			
8	Cầu Giấy	93	93			
9	Chương Mỹ	54	54			
10	Tây Hồ	44	29	15		
11	Mê Linh	44	44			
12	Thường Tín	44	44			
13	Mỹ Đức	42	42			
14	Đan Phượng	21	21			
15	Đông Anh	19	19			
16	Gia Lâm	16	16			
17	Thanh Oai	15	15			

BIỂU GIAO BỔ SUNG BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
KHỐI THCS

TT	Tên đơn vị	Tổng số trường	Số viên chức được giao	Số viên chức theo định mức của Bộ GD&ĐT	Số viên chức thiếu theo định mức	Tỷ lệ giao/định mức	Số lượng giao bổ sung	Số lượng sau khi bổ sung	Tỷ lệ viên chức sau bổ sung/định mức	Ghi chú
	Tổng số	599	26.154	31.316	5.162		1.033			
I	Nhóm 1									
1	Hoàng Mai	17	997	1.373	376	72,61%	145	1.142	83,18%	
2	Long Biên	24	1.014	1.380	366	73,48%	132	1.146	83,04%	
3	Hà Đông	19	1.142	1.470	328	77,69%	80	1.222	83,13%	
4	Cầu Giấy	10	679	929	250	73,09%	93	772	83,10%	
5	Bắc Từ Liêm	14	716	960	244	74,58%	83	799	83,23%	
6	Nam Từ Liêm	12	573	809	236	70,83%	100	673	83,19%	
7	Thanh Xuân	12	650	884	234	73,55%	85	735	83,17%	
8	Thanh Trì	17	933	1.159	226	80,50%	31	964	83,18%	
9	Mỹ Đức	23	768	974	206	78,85%	42	810	83,16%	
II	Nhóm 2									
1	Chương Mỹ	37	1.322	1.614	292	81,91%	54	1.376	85,25%	
2	Đông Anh	26	1.370	1.622	252	84,46%	19	1.389	85,64%	
3	Thường Tín	30	978	1.195	217	81,84%	44	1.022	85,52%	
4	Mê Linh	20	860	1.057	197	81,34%	44	904	85,50%	
5	Gia Lâm	17	982	1.162	180	80,50%	16	998	85,89%	
6	Thanh Oai	21	763	910	147	83,85%	15	778	85,49%	
7	Đan Phượng	16	629	759	130	82,87%	21	650	85,64%	
8	Tây Hồ	8	413	519	106	79,58%	29	442	85,16%	
III	Nhóm 3									
1	Hoài Đức	22	961	1.120	159	85,80%	0	961	85,80%	
2	Ứng Hòa	30	843	988	145	85,32%	0	843	85,32%	
3	Ba Vì	35	1.174	1.331	157	88,20%	0	1.174	88,20%	
4	Phủ Xuyên	28	887	1.021	134	86,88%	0	887	86,88%	
5	Sóc Sơn	27	1.325	1.503	178	88,16%	0	1.325	88,16%	Điều hòa biên chế giữa khối mầm non và THCS
6	Sơn Tây	16	570	642	72	88,79%	0	570	88,79%	Điều hòa biên chế giữa khối mầm non và THCS
7	Hai Bà Trưng	15	794	880	86	90,23%	0	794	90,23%	
8	Phúc Thọ	22	788	858	70	91,80%	0	788	91,80%	
9	Thạch Thất	24	915	982	67	93,18%	0	915	93,18%	
10	Quốc Oai	22	818	871	53	93,94%	0	818	93,94%	
11	Đống Đa	16	932	966	34	96,48%	0	932	96,48%	
12	Hoàn Kiếm	7	521	539	18	96,66%	0	521	96,66%	
13	Ba Đình	12	837	839	2	99,76%	0	837	99,76%	

BIỂU GIAO BỔ SUNG BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
KHỐI TIỂU HỌC

TT	Tên đơn vị	Tổng số trường	Số viên chức được giao	Số viên chức theo định mức của Bộ GD&ĐT	Số viên chức thiếu theo định mức	Tỷ lệ giao/ định mức	Số lượng giao bổ sung	Số lượng sau khi bổ sung	Tỷ lệ viên chức sau bổ sung/ định mức	Ghi chú
	Tổng số	716	29.767	36.632	6.865		977			
I	Nhóm 1									
1	Hà Đông	31	1.411	2.383	972	59,21%	286	1.697	71,21%	
2	Hoàng Mai	20	1.189	2.094	905	56,77%	303	1.492	71,24%	
3	Thanh Trì	24	1.013	1.604	591	63,15%	128	1.141	71,13%	
4	Thanh Xuân	13	722	1.295	573	55,76%	201	923	71,29%	
5	Tây Hồ	9	454	656	202	69,21%	15	469	71,49%	
6	Nam Từ Liêm	13	707	1.055	348	67,01%	44	751	71,18%	
II	Nhóm 2									
1	Long Biên	28	1.134	1.533	399	73,97%	0	1.134	73,97%	
2	Bắc Từ Liêm	20	796	1.065	269	74,74%	0	796	74,74%	
3	Chương Mỹ	38	1.438	1.698	260	84,69%	0	1.438	84,69%	
4	Đống Đa	20	972	1.188	216	81,82%	0	972	81,82%	
5	Mê Linh	29	1.098	1.299	201	84,53%	0	1.098	84,53%	
6	Đông Anh	31	1.509	1.787	278	84,44%	0	1.509	84,44%	
7	Gia Lâm	28	1.088	1.261	173	86,28%	0	1.088	86,28%	Điều hòa biên chế giữa khối Mầm non và Tiểu học
8	Thường Tín	29	1.096	1.268	172	86,44%	0	1.096	86,44%	
9	Ứng Hòa	30	933	1.074	141	86,87%	0	933	86,87%	Điều hòa biên chế giữa khối Mầm non và Tiểu học
10	Ba Đình	17	803	919	116	87,38%	0	803	87,38%	Điều hòa biên chế giữa khối Mầm non và Tiểu học
11	Cầu Giấy	12	725	829	104	87,45%	0	725	87,45%	
12	Thanh Oai	24	871	994	123	87,63%	0	871	87,63%	
13	Đan Phượng	20	763	870	107	87,70%	0	763	87,70%	
14	Phúc Thọ	24	816	924	108	88,36%	0	816	88,36%	
15	Phù Xuyên	29	1.015	1.124	109	90,30%	0	1.015	90,30%	
16	Thạch Thất	27	1.050	1.159	109	90,60%	0	1.050	90,60%	Điều hòa biên chế giữa khối Mầm non và Tiểu học
17	Hai Bà Trưng	19	864	946	82	91,33%	0	864	91,33%	
18	Sóc Sơn	36	1.620	1.760	140	92,05%	0	1.620	92,05%	
19	Hoàn Kiếm	12	539	575	36	93,74%	0	539	93,74%	
20	Hoài Đức	26	1.148	1.200	52	95,67%	0	1.148	95,67%	
21	Mỹ Đức	29	978	1.015	37	96,35%	0	978	96,35%	
22	Quốc Oai	26	994	1.017	23	97,74%	0	994	97,74%	
23	Sơn Tây	16	617	624	7	98,88%	0	617	98,88%	
24	Ba Vì	36	1.404	1.417	13	99,12%	0	1.404	99,12%	

BIỂU GIAO BỔ SUNG BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
KHỐI MẦM NON

TT	Tên đơn vị	Tổng số trường	Số viên chức được giao	Số viên chức theo định mức của Bộ GD&ĐT	Số viên chức thiếu (-), số thừa (+) so với định mức	Tỷ lệ giao/ định mức	Số lượng giao bổ sung	Số lượng sau khi bổ sung	Tỷ lệ viên chức sau bổ sung/ định mức	Ghi chú
	Tổng cộng	800	32.097	34.222	2.125		191			
I	Nhóm 1									
1	Hà Đông	46	1.449	2.079	630	69,70%	139	1.588	76,38%	
2	Hoàng Mai	22	1.178	1.552	374	75,90%	42	1.220	78,61%	
3	Thanh Xuân	19	666	852	186	78,21%	10	676	79,38%	
II	Nhóm 2									
1	Nam Từ Liêm	13	926	1.085	159	85,35%	0	926	85,35%	
2	Bắc Từ Liêm	22	840	978	138	85,89%	0	840	85,89%	
3	Long Biên	37	1.143	1.325	182	86,26%	0	1.143	86,26%	
4	Cầu Giấy	18	746	842	96	88,60%	0	746	88,60%	
5	Mê Linh	23	1.093	1.201	108	91,00%	0	1.093	91,00%	
6	Đông Anh	37	1.722	1.817	95	94,77%	0	1.722	94,77%	
7	Chương Mỹ	36	1.324	1.395	71	94,91%	0	1.324	94,91%	
8	Đống Đa	27	760	812	52	93,60%	0	760	93,60%	
9	Ba Vì	41	1.632	1.681	49	97,11%	0	1.632	97,11%	
10	Tây Hồ	10	443	487	44	90,97%	0	443	90,97%	
11	Quốc Oai	29	1.182	1.222	40	96,74%	0	1.182	96,74%	
12	Thanh Trì	32	1.293	1.324	31	97,66%	0	1.293	97,66%	
13	Phúc Thọ	25	1.038	1.059	21	98,05%	0	1.038	98,05%	
14	Hoàn Kiếm	17	463	480	17	96,46%	0	463	96,46%	
15	Đan Phượng	19	866	875	9	98,97%	0	866	98,97%	
16	Mỹ Đức	28	1.227	1.235	8	99,35%	0	1.227	99,35%	
17	Thường Tín	30	1.272	1.279	7	99,45%	0	1.272	99,45%	
18	Thanh Oai	26	1.144	1.145	1	99,91%	0	1.144	99,91%	
19	Phù Xuyên	31	1.334	1.334	1	99,96%	0	1.334	99,96%	
20	Hai Bà Trưng	26	852	852	0	100,00%	0	852	100,00%	
21	Hoài Đức	32	1.419	1.419	0	100,00%	0	1.419	100,00%	
22	Sơn Tây	15	627	613	-14	102,28%	0	627	102,28%	Điều hòa biên chế giữa mầm non và THCS
23	Thạch Thất	26	1.058	1.035	-23	102,22%	0	1.058	102,22%	Điều hòa biên chế giữa mầm non và tiểu học
24	Gia Lâm	28	1.144	1.118	-26	102,33%	0	1.144	102,33%	Điều hòa biên chế giữa mầm non và Tiểu học
25	Sóc Sơn	35	1.558	1.520	-38	102,50%	0	1.558	102,50%	Điều hòa biên chế giữa mầm non và THCS
26	Ba Đình	20	588	546	-42	107,67%	0	588	107,67%	Điều hòa biên chế giữa mầm non và Tiểu học
27	Ứng Hòa	30	1.110	1.061	-49	104,62%	0	1.110	104,62%	Điều hòa biên chế giữa mầm non và Tiểu học